

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **179/2019/HSST**

Ngày: 04/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trục và bà Nguyễn Thị Thanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cẩm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 170/2019/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST-HS ngày 20/8/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/4/1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 14, khu vực 5, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Đạp xích lô; trình độ văn hoá: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ và tên cha: Nguyễn A, sinh năm 1971; họ và tên mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ, học đến lớp 7/12 thì nghỉ học, ở nhà đạp xích lô.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/4/2019, chuyển tạm giam ngày 09/4/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Như B, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số nhà 6/3 kiết 7 đường N, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Trần Thị H. Nơi cư trú: Tổ 14, khu vực 5, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Anh Trần C. Nơi cư trú: Tổ 12, khu vực 5, phường H, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang T. Nơi cư trú: Số 2/407 đường C, phường P, thành phố Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Trần Thị Hồng. Nơi cư trú: 128 đường T, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Ông Huỳnh Viết B. Nơi cư trú: 255 đường T, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00' ngày 06/4/2019, Nguyễn T điều khiển xe mô tô Honda hiệu Astrea 100, biển số 50P1- 7734 chạy từ cửa Thượng Tứ ra đường T rồi rẽ trái về hướng cầu Tràng Tiền. Khi đến trước nhà văn hóa thành phố Huế ở 65 đường T, phường P, thành phố Huế, T nhìn thấy bà Nguyễn Thị Như B ngồi sau xe mô tô do bà Trần Thị H điều khiển cùng chiều phía trước theo hướng từ cầu Phú Xuân về cầu Tràng Tiền. T thấy bà B cầm một ví da màu đỏ mận, bên trong có 225.000 đồng và 09 đô la Mỹ kê trên đùi trái, liền nảy sinh ý định chiếm đoạt. T điều khiển xe máy chạy lên áp sát phía bên trái của bà B, dùng tay phải giật lấy chiếc ví của bà B rồi tăng tốc độ bỏ chạy. Bị giật tài sản bất ngờ, bà B hô : “Cướp!”. Ngay lúc này có tổ cảnh sát giao thông đang làm việc tại trạm phía Bắc cầu Tràng Tiền, nghe thấy tiếng tri hô nên đuổi theo. Khi đến trước số nhà 36 đường Hoàng Xuân Hãn, phường P, thành phố Huế thì bắt được T cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ví da nữ màu đỏ mận, kích thước (13x22) cm, hiệu Forever Young.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 225.000 đồng.
- 09 đô la Mỹ gồm 3 tờ mệnh giá 2 USD, 3 tờ mệnh giá 1 USD.
- 01 chiếc xe mô tô hiệu Astrea 100, màu đen, biển số 50P1- 7734.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 08/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt như sau: Chiếc ví da nữ màu đỏ mận có trị giá 70.000 đồng.

Theo thông báo số 195/TTH-THNSKSNB ngày 16/4/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thừa Thiên Huế về tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam (VND) với đô la Mỹ (USD) ngày 06/4/2019 thì 1 USD = 22.988 VND (09 USD= 206.892 VND).

Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn T đã chiếm đoạt trong vụ án này là 501.892 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại toàn bộ tài sản nói trên cho bị hại. Bà Nguyễn Thị Như B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn T.

Quá trình điều tra xác định: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Astrea 100, biển số 50P1- 7734 là do chị Trần Thị H mua lại của anh Trần C. Xe này anh C mua lại của anh Nguyễn Quang T làm nghề sửa xe máy. Anh Nguyễn Quang T mua xe máy từ một người không quen biết, đến nay chưa xác định rõ người đứng tên đăng ký chủ sở hữu trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Astrea 100, biển số 50P1- 7734. Tuy nhiên chị H là người sử dụng tài sản ngay tình cho Nguyễn T mượn để đi làm, việc T sử dụng chiếc xe mô tô này để phạm tội chị H không biết. Do vậy, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe này cho chị H là đúng quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 181CT-VKS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Do cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô Honda Astrea 100, biển số 50P1-7734 cho chị Trần Thị H là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phân trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[1]Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 0 phút ngày 06/4/2019, tại đoạn đường trước Nhà văn hóa thành phố Huế, Nguyễn T điều khiển xe mô tô hiệu Astrea 100, biển số 50P1- 7734 làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật ví của bà Nguyễn Thị Như B đang ngồi trên xe lưu thông cùng chiều. Tài sản mà T đã chiếm đoạt có tổng giá trị 501.892 đồng, gồm: một túi xách trị giá 70.000 đồng, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 225.000 đồng và 09 đô la Mỹ (tương đương 206.892 đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn T dùng xe máy giật túi xách của bà Nguyễn Thị Như B, tại thời điểm giật tài sản và bỏ chạy đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Nguyễn Thị Như B, do đó bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Khi thực hiện tội phạm, bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm, sử dụng xe mô tô để giật tài sản của người đi đường là có khả năng cao dẫn đến gây tai nạn giao thông và gây thương tích cho người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và yên tâm cải tạo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Astrea 100, biển số 50P1- 7734 cho chị Hoa là đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 06/4/2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại; người LQ ;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

